

Bản án số: 96/2020/HS-ST
Ngày 15/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng;
2. Ông Nguyễn Văn Chi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1993; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Minh Đ, sinh năm 1954 và bà Liễu Thị T, sinh năm 1961; có vợ: Triệu Thị U, sinh năm 1993 và có 1 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/3/2020, bị tạm giữ tạm giam từ 07/3/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Họ và tên: **Lục Văn T**, sinh năm 2001; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lục Văn H sinh năm 1976 và bà Lục Thị T, sinh năm 1974; vợ , con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/3/2020, bị tạm giữ tạm giam từ 07/3/2020 đến nay. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Triệu Văn C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt)

*** Người chứng kiến:**

1. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 31/12/ 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh H: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, phường M, thành phố B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 50 phút ngày 07/3/2020 tại khu vực đầu cầu sắt thuộc tổ dân phố số 2, phường M, thành phố B, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma Túy- Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Lục Văn T và Hoàng Văn Đ có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma Túy. Vật chứng thu giữ: Thu tại nền đất cạnh chỗ T và Đ đứng 03 gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma Túy Hê rô in.

Ngoài ra còn tạm giữ của Đ 01 xe mô tô Biển kiểm soát 11F3- XXX và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; tạm giữ của T: 01 ví màu đen bên trong có 1 thẻ ATM, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Lục Văn T và 420.000Đ.

Tại kết luận giám định số 288/KL-KTHS ngày 09/3/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chất cục bột màu trắng đựng trong 03 gói giấy bạc, đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là ma Túy, có khối lượng 0,174gam, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Lục Văn T và Hoàng Văn Đ khai nhận như sau:

Khoảng 20h15 phút ngày 07/3/2020 sau khi tan ca thì Hoàng Văn Đ gặp Lục Văn T tại cổng khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, khi gặp nhau Đ rủ T đi mua ma Túy để sử dụng, T Đ ý và thống nhất mỗi người góp 150.000Đ, tại đây Đ đưa cho T 150.000Đ. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 11F3-XXX chở T đi đến thành phố B để mua ma Túy. Trên đường đi Đ vào vào một cây xăng mua 30.000Đ tiền xăng (tiền mua xăng lấy từ số tiền T và Đ góp mua ma Túy). Sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở T đến khu vực bờ đê phường T, thành phố B để mua ma Túy. Khi đi qua cầu sắt Bắc Giang vào bờ đê khoảng 400m thì Đ đỗ xe lại, Đ bảo T đưa cho Đ 200.000Đ để mua ma Túy, Đ cầm tiền đi bộ xuống một nhà dưới bờ đê rồi đưa 200.000Đ qua ô cửa thì có người cầm tiền và đưa cho Đ 03 gói ma Túy Hêrôin có đặc điểm như trên. Sau khi mua được ma Túy Đ cầm ma Túy ở tay trái quay lại chỗ T đợi và đưa 3 gói ma Túy vừa mua được cho T, T cầm 3 gói ma Túy tại tay trái, sau đó Đ chở T quay về phía huyện Việt Yên, khi vừa đi qua cầu sắt thuộc phường M, thành phố B thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma Túy- Công an thành phố B bắt quả tang, do sợ hãi nên T đã thả rơi 3 gói ma Túy xuống đất nhưng vẫn bị Công an thu giữ.

Đối với người đã bán ma Túy cho T và Đ, do T và Đ khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

Đối với số đồ vật thu giữ: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 11F3- XXX là của ông Triệu Văn C, sinh năm 1969 ở thôn Lũng Muôn, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (là bố vợ của Đ) cho Đ mượn. Ông C không biết Đ sử dụng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội; 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định và toàn bộ vật chứng thu giữ đã được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Lục Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và như Cáo trạng nêu.

- Bị cáo Đ, bị cáo T đều khai nhận: Bị cáo Đ là người rủ bị cáo T đi mua ma túy và là người trực tiếp mua ma túy; các bị cáo mua ma túy mục đích để sử dụng chung; mỗi bị cáo góp 150.000Đ để mua ma túy nhưng chỉ mua 200.000Đ ma túy còn lại 100.000Đ mua xăng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

- Người chứng kiến anh Trịnh Văn H trình bày: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 07/3/2020 anh được chứng kiến việc Cơ quan Công an bắt giữ các bị cáo Đ, T, thu giữ trên nền đường cạnh chỗ các bị cáo đứng 03 gói giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng, cơ quan công an đã lập biên bản và niêm phong tại chỗ các đồ vật thu giữ.

Hội Đ xét xử công bố lời khai của những người được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội Đ xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Lục Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 14 đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/3/2020; bị cáo Lục Văn T từ 13 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/3/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Lục Văn T 01 ví màu đen, 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư dân nhân đều mang tên Lục Văn T, số tiền 420.000Đ nhưng tạm giữ số tiền 420.000 Đ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Hoàng Văn Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả lại ông Triệu Văn C 01 xe mô tô Biển kiểm soát 11F3- XXX.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000Đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 07/3/2020; lời khai nhận tội của bị cáo, Kết luận giám định số 288/KL-KTHS ngày 09/3/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 20 giờ 50 phút ngày 07/3/2020 tại khu vực đầu cầu sắt thuộc tổ dân phố số 2, phường M, thành phố B, các bị cáo Hoàng Văn Đ, Lục Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,174gam ma Túy Heroine, mục đích để sử dụng chung. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “ Tàng trữ trái phép chất ma Túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, Điều trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma Túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mòn đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhận thức và sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên Đảng và Nhà nước đang quyết tâm loại trừ tệ nạn này. Các bị cáo vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không làm chủ bản thân nên đã cố ý phạm tội. Do đó, cần xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Về vai trò các bị cáo: Bị cáo Đ là người rủ bị cáo T đi mua ma Túy, là người trực tiếp mua ma Túy nên bị cáo có vai trò chính; bị cáo T vai trò sau bị cáo Đ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Mặc dù các bị cáo có nhân thân tốt nhưng để giáo dục các bị cáo, phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo.

[8] Các bị cáo là người dân tộc, nghiện ma Túy, không còn thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với người đã bán ma Túy cho các bị cáo, các bị cáo khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

[9] Đối 01 xe mô tô Biển kiểm soát 11F3- XXX các bị cáo sử dụng đi mua ma Túy là của ông Triệu Văn C (là bố vợ của bị cáo Đ) cho bị cáo Đ mượn. Ông C không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội nên cần trả lại ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Đối với 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[11] Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo (thu của bị cáo Đ), 01 ví màu đen, 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư dân nhân đều mang tên Lục Văn T và số tiền 420.000Đ (thu của bị cáo T) là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại các bị cáo theo quy tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tạm giữ số tiền 420.000Đ và 01 chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[13] Hội Đ xét xử tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Lục Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma Túy”.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Đ 01 năm 01 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/3/2020.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lục Văn T 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/3/2020.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Lục Văn T 01 ví màu đen, 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư dân nhân đều mang tên Lục Văn T, số tiền 420.000Đ nhưng tạm giữ số tiền 420.000 Đ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Hoàng Văn Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại ông Triệu Văn C 01 xe mô tô Biển kiểm soát 11F3- XXX.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000Đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Triệu Thị Luyện

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc